TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2018/QĐST-HN&GĐ	*Phổ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: TDP 3, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: TDP 3, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974.
Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

2. Công nhân sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị L.

* *Về con chung*: Anh Đ và chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Chung Thành, sinh ngày 06/12/1994. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, anh Đ, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Về tài sản chung:* Anh Đ, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Về Tài sản riêng; các khoản nợ chung, cho vay chung của vợ chồng:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Về Án phí*: Anh Đ, chị L thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện nhận nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008599, ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Anh Nguyễn Văn Đ được hoàn lại 150.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyên hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên* ;
- *VKSND thị xã Phổ Yên;*
- *Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;*
- *UBND phường Bắc Sơn;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc